

Số: 07 /2019/QĐ-UBND

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 07 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ hoạt động đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị và diện tích công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1477/TTr-STC ngày 18 tháng 4 năm 2019 về việc dự thảo Quyết định Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ hoạt động đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị và diện tích công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ hoạt động đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị và diện tích công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

2. Quyết định này không áp dụng đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo).

3. Những nội dung liên quan đến tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định của Chính phủ, của Bộ Tài chính và của Bộ, ngành Trung ương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước; cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; các tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động; các đơn vị sự

nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng phục vụ hoạt động đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ hoạt động đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh được quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Đối với diện tích chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị: Căn cứ nhu cầu sử dụng thực tế và các quy định các pháp luật có liên quan, cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện đề xuất, báo cáo cơ quan chủ quản (nếu có) gửi Sở Tài chính thẩm định. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tài chính, cơ quan, tổ chức, đơn vị hoàn thiện đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xin ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức đối với loại diện tích chuyên dùng này.

Điều 4. Tiêu chuẩn, định mức diện tích sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập

Căn cứ nhu cầu thực tế (đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo hoặc mua sắm công trình sự nghiệp) và các quy định của pháp luật có liên quan, cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện đề xuất, báo cáo cơ quan chủ quản (nếu có) gửi Sở Tài chính thẩm định. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tài chính, cơ quan, tổ chức, đơn vị hoàn thiện đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xin ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp trước khi quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức đối với loại diện tích chuyên dùng này.

Điều 5. Xử lý chuyển tiếp

Đối với cơ quan, tổ chức đơn vị đã xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp trong đó có bố trí diện tích chuyên dùng nhưng chưa đúng (đủ) theo tiêu chuẩn định mức quy định tại Điều 3 Quyết định này thì không xây dựng bổ sung diện tích chuyên dùng mà bố trí, sắp xếp diện tích trụ sở hiện có cho phù hợp với điều kiện thực tế đảm bảo phục vụ công tác. Trường hợp không thể bố trí được, thủ trưởng đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 5 năm 2019.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp quy định tại Điều 3, Điều 4 Quyết định này, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan thực hiện việc đề xuất đầu tư xây

dựng, mua sắm, thuê, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo đúng quy định của Nhà nước.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBHQ;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể trong tỉnh;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Sở Tư pháp (KTVB);
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, STC (03).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH
HỒ CHỮ TỊCH



Nguyễn Thành Long

PHỤ LỤC

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ hoạt động đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07 /2019/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Loại diện tích chuyên dùng	Đơn vị cấp tỉnh		Đơn vị cấp huyện		Đơn vị cấp xã	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
1	Diện tích sử dụng cho bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	48	72	48	72	48	60
2	Diện tích sử dụng để tiếp dân	18	27	18	27	18	24
3	Diện tích sử dụng để quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	36	24	36	24	30
4	Diện tích Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên)	0,8m2/chỗ ngồi	1,0m2/chỗ ngồi	0,8m2/chỗ ngồi	1,0m2/chỗ ngồi	0,8m2/chỗ ngồi	1,0m2/chỗ ngồi
5	Diện tích kho chuyên ngành	Tối đa 200 m ²		Tối đa 200 m ²		Tối đa 150 m ²	